

Số: 004/23/CBTT-MSVN

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam

Công ty: Công ty TNHH Chứng khoán Maybank

Mã thành viên: 079

Địa chỉ: VP-10-01, Tầng 10, Tòa nhà Pearl 5, số 5 Lê Quý Đôn, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 028. 44 555 888 (máy lẻ: 8071); Fax: 028. 38 271 030

Email: info.MSVN@maybank.com Website: www.maybank.com/investment-banking/vn

Người thực hiện công bố thông tin: PHAN THỊ THU HIỀN

Địa chỉ: VP-10-01, Tầng 10, Tòa nhà Pearl 5, số 5 Lê Quý Đôn, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 028. 44 555 888 (máy lẻ: 8071); Fax: 028. 38 271 030

Loại thông tin công bố: ☐ 24h ☐ 72h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☒ Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán.

Thông tin này đã được công bố trên trang điện tử của Công Ty vào ngày 28/02/2023 tại đường
dẫn: <https://www.maybank-kimeng.com.vn/kimengportal/financial-statements.do>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách
nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán.

Đại diện tổ chức

Người được ủy quyền công bố thông tin


PHAN THỊ THU HIỀN
Giám đốc Kiểm soát nội bộ

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn
Chứng khoán Maybank**

(trước đây là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Chứng khoán Maybank Kim Eng)

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank
(trước đây là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng)

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tình hình tài chính	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động	10 - 11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12 - 14
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	15
Thuyết minh báo cáo tài chính	16 - 48

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

(trước đây là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng)

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank (Trước đây là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng) ("Công ty") được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 117/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 3 tháng 1 năm 2014 và giấy phép điều chỉnh số 30/GPĐC-UBCK ngày 23 tháng 3 năm 2022, thay thế Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 71/UBCK-GP ngày 14 tháng 12 năm 2007.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại VP-10-01, Tầng 10, Tòa nhà Pearl 5, số 5 Lê Quý Đôn, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh và năm (5) chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và các tỉnh thành khác vào ngày lập báo cáo này như sau:

- ▶ Chi nhánh Sài Gòn: VP-09-01, Tầng 9, Tòa nhà Pearl 5, số 5 Lê Quý Đôn, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh;
- ▶ Chi nhánh Phú Nhuận: Tầng 1, Tòa nhà Tân Hà Phan, 465 Phan Xích Long, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh;
- ▶ Chi nhánh An Giang: Tầng 3, TTTM Nguyễn Huệ, 9/9 Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Xuyên, Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang;
- ▶ Chi nhánh Đồng Nai: Tầng 3, Phòng 303, Tòa nhà NK, 208D Phạm Văn Thuận, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; và
- ▶ Chi nhánh Hà Nội: Tầng 3A-06, Tòa Nhà Horison, Số 40 Phố Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Hà Nội.

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tổng vốn điều lệ của Công ty là 2.200.000.000.000 VND và tổng tài sản là 3.004.182.406.519 VND.

Mục tiêu đầu tư

Công ty hoạt động với mục tiêu chung là cung cấp các dịch vụ chuyên nghiệp tạo ra giá trị cho khách hàng Công ty nói riêng và của Tập đoàn nói chung, tiến đến vị trí dẫn đầu trong tất cả các hoạt động kinh doanh, xây dựng nguồn lực thông minh và hiệu quả, tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty.

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định hạn chế đầu tư theo Điều 28, Thông tư số 121/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về hoạt động của công ty chứng khoán.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank
(trước đây là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng)

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Các thành viên Hội đồng Thành viên của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm</i>
Bà Che Zakiah Binti Che Din	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2023
Ông Rajiv Vijendran	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2023
Ông Lok Eng Hong	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2023
Ông Nguyễn Thế Thọ	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 3 năm 2022
Ông Nguyễn Thế Thọ	Thành viên độc lập	Tái bổ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2023
Ông Mohamad Yasin Bin Abdullah	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 5 năm 2022

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</i>
Ông Kim Thiên Quang	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 8 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Thúy	Giám đốc Tài chính	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Thúy	Giám đốc Tài chính	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 9 năm 2022
Ông Vũ Gia Vinh	Giám đốc Khối ngân hàng đầu tư	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2017
Ông Nguyễn Bảo Toàn	Giám đốc Khối khách hàng cá nhân	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2021
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Giám đốc Quản lý rủi ro	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 9 năm 2022
Bà Trần Thị Ngọc Hương	Kế toán Trưởng	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 3 năm 2014
Ông Trần Châu Tiến	Giám đốc Khối Công nghệ thông tin	(*)
Ông Quản Trọng Thành	Giám đốc Khối nghiên cứu và phân tích	(*)

(*) Liên quan đến thành phần Ban Tổng Giám đốc, theo Điều lệ số 3009-2/22-QĐ-HĐTV có hiệu lực từ ngày 30 tháng 9 năm 2022, ông Trần Châu Tiến và ông Quản Trọng Thành không còn là thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Kim Thiên Quang, chức vụ Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank
(trước đây là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank (trước đây là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng) ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Kim Thiên Quang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 20 tháng 2 năm 2023

Số tham chiếu: 12736768/66782640

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Chủ sở hữu
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank (trước đây là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng) ("Công ty"), được lập ngày 20 tháng 2 năm 2023 và được trình bày từ trang 6 đến trang 48, bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Saman Wijaya Bandara
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2036-2023-004-1



Vũ Tiến Dũng
Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3221-2020-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 20 tháng 2 năm 2023

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank
(trước đây là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
ngày 31 tháng 12 năm 2022

B01-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.940.884.230.654	4.901.351.898.557
110	I. Tài sản tài chính		2.935.058.847.455	4.893.811.347.869
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	312.635.473.641	798.183.574.318
111.1	1.1 Tiền		112.635.473.641	798.183.574.318
111.2	1.2 Các khoản tương đương tiền		200.000.000.000	-
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	6.1	-	50.230.550
114	3. Các khoản cho vay	6.2	2.595.130.939.634	4.062.557.148.079
116	4. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	6.3	-	(1.922.794.815)
117	5. Các khoản phải thu	7	25.579.632.498	30.167.284.260
117.2	5.1 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		25.579.632.498	30.167.284.260
117.4	5.1.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		25.579.632.498	30.167.284.260
118	6. Trả trước cho người bán	7	329.576.500	1.488.454.618
119	7. Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	7	1.357.514.095	3.281.712.052
122	8. Các khoản phải thu khác	7	25.711.087	121.039.202
129	9. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	7	-	(115.300.395)
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		5.825.383.199	7.540.550.688
131	1. Tạm ứng		73.528.831	81.884.006
133	2. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	5.751.854.368	7.458.666.682
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		63.298.175.865	56.897.540.772
220	I. Tài sản cố định		18.259.879.345	13.863.814.174
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	14.538.643.821	9.656.145.377
222	- Nguyên giá		59.256.626.120	53.696.187.881
223a	- Giá trị hao khấu hao lũy kế		(44.717.982.299)	(44.040.042.504)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	3.721.235.524	4.207.668.797
228	- Nguyên giá		30.858.921.409	29.982.921.409
229a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(27.137.685.885)	(25.775.252.612)
240	II. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	4.003.368.190	5.571.648.645
250	III. Tài sản dài hạn khác		41.034.928.330	37.462.077.953
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		4.893.375.675	6.307.038.378
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	11	6.081.554.905	1.115.140.746
254	3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán và Quỹ bù trừ	12	30.059.997.750	30.039.898.829
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.004.182.406.519	4.958.249.439.329

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank
(trước đây là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2022

B01-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		66.956.978.247	2.179.989.962.824
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		66.625.955.551	2.179.768.263.095
311	1. Vay ngắn hạn		-	2.087.710.000.000
312	1.1 Vay ngắn hạn	13	-	2.087.710.000.000
318	2. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán		3.710.193	23.485.870
320	3. Phải trả người bán ngắn hạn	15	4.082.010.184	3.609.056.450
321	4. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		280.332.000	280.332.000
322	5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	24.647.281.849	35.671.766.524
323	6. Phải trả người lao động		27.955.261.914	38.763.392.912
325	7. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	9.409.217.275	13.408.075.207
329	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		248.142.136	302.154.132
340	II. Nợ phải trả dài hạn		331.022.696	221.699.729
356	1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	17	331.022.696	221.699.729
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.937.225.428.272	2.778.259.476.505
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	2.937.225.428.272	2.778.259.476.505
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		2.200.000.000.000	2.200.000.000.000
414	2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		40.646.058.094	30.282.760.506
415	3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		40.646.058.096	30.282.760.507
417	4. Lợi nhuận chưa phân phối		655.933.312.082	517.693.955.492
417.1	4.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		655.907.134.822	517.696.075.217
417.2	4.2 Lợi nhuận sau thuế chưa thực hiện		26.177.260	(2.119.725)
440	TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.004.182.406.519	4.958.249.439.329

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank
(trước đây là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2022

B01-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND
	A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN (CTCK) VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
005	1. Ngoại tệ các loại (nguyên tệ) USD	19.1	274.080,44	19.991.213,97
008	2. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán (VSD) của CTCK	19.2	790.000	10.720.000
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	19.3	11.583.281.990.000	8.520.475.320.000
021.1	- Tài sản tài chính giao dịch, tự do chuyển nhượng		10.865.470.540.000	7.944.884.640.000
021.2	- Tài sản tài chính giao dịch, hạn chế chuyển nhượng		183.998.230.000	176.720.450.000
021.3	- Tài sản tài chính giao dịch, cầm cố		373.716.700.000	82.450.000.000
021.4	- Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		79.675.180.000	4.675.180.000
021.5	- Tài sản tài chính chờ thanh toán		80.421.340.000	311.745.050.000
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	19.4	1.189.339.190.000	1.432.028.240.000
022.1	- Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		1.092.724.510.000	1.338.515.530.000
022.2	- Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng		62.800.020.000	81.614.050.000
022.3	- Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, cầm cố		33.814.660.000	11.898.660.000
023	3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	19.5	77.040.390.000	239.686.950.000

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank
(trước đây là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2022

B01-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (tiếp theo)			
026	4. Tiền gửi của Nhà đầu tư	19.6	647.787.093.347	1.045.740.777.851
027	4.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		513.989.341.047	495.800.124.851
028	4.2 Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư		77.893.630.333	346.085.329.607
029	4.3 Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		55.904.121.967	203.855.323.393
029.1	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước		55.899.765.114	203.784.365.004
029.2	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài		4.356.853	70.958.389
031	5. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	19.7	647.787.060.537	1.045.740.761.180
031.1	5.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		590.341.404.624	991.457.772.774
031.2	5.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		57.445.655.913	54.282.988.406
035	6. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	19.7	32.810	16.671

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:

Nguyễn Thị Minh Hồng
Kế toán viên

Trần Thị Ngọc Hương
Kế toán Trưởng

Kim Thiên Quang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 20 tháng 2 năm 2023

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank
(trước đây là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

B02-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG			
01	1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	20.1	3.131.528.604	2.980.289.463
01.1	1.1 Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL		469.812.155	353.334.862
01.2	1.2 Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL		-	21.360.371
01.3	1.3 Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL		2.661.716.449	2.605.594.230
03	2. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	20.1	358.602.800.414	272.811.368.244
06	3. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	20.2	243.048.238.566	328.758.331.321
09	4. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	20.2	3.956.494.809	4.357.746.752
10	5. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	20.2	600.000.000	12.402.699.307
11	6. Thu nhập hoạt động khác		10.252.824.538	8.157.863.117
20	Cộng doanh thu hoạt động		619.591.886.931	629.468.298.204
	II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
21	1. Lỗ từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		60.626.625	6.412.461
21.1	1.1 Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL		60.626.625	2.275.400
21.2	1.2 Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL		-	4.137.061
24	2. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	21	48.039.633.752	34.124.235.593
27	3. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	22	182.628.652.985	231.055.431.924
30	4. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		7.513.766.089	7.147.396.072
31	5. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính		8.554.564.286	9.909.215.075
40	Cộng chi phí hoạt động		246.797.243.737	282.242.691.125
	III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
41	1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		395.524.137	268.620.414
42	2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định		4.089.612.719	3.357.369.524
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính	23	4.485.136.856	3.625.989.938

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank
(trước đây là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

B02-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH			
51	1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		697.936.348	248.217.742
60	Cộng chi phí tài chính		697.936.348	248.217.742
62	V. CHI PHÍ QUẢN LÝ	24	117.277.749.727	99.942.165.724
70	VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		259.304.093.975	250.661.213.551
	VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	1. Thu nhập khác		456.531.818	1.511.670.843
72	2. Chi phí khác		10.269.960	-
80	Cộng kết quả hoạt động khác		446.261.858	1.511.670.843
90	VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		259.750.355.833	252.172.884.394
91	1. Lợi nhuận đã thực hiện		259.724.178.573	252.175.004.119
92	2. (Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện		26.177.260	(2.119.725)
100	IX. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN)	25	52.484.404.066	50.518.974.529
100.1	1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.1	52.375.081.099	50.423.064.183
100.2	2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	25.2	109.322.967	95.910.346
200	X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		207.265.951.767	201.653.909.865
400	TỔNG THU NHẬP TOÀN DIỆN		207.265.951.767	201.653.909.865

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:

Nguyễn Thị Minh Hồng
Kế toán viên

Trần Thị Ngọc Hương
Kế toán Trưởng

Kim Thiên Quang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 20 tháng 2 năm 2023

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

(trước đây là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

B03-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế TNDN		259.750.355.833	252.172.884.394
02	2. Điều chỉnh cho các khoản:		21.624.069.859	1.913.489.842
03	- Khấu hao tài sản cố định	9,10	6.371.929.591	5.338.809.470
04	- Các khoản dự phòng		-	(1.419.307.207)
07	- Lãi từ hoạt động đầu tư		(6.751.329.168)	(5.962.963.754)
08	- Dự thu tiền lãi		(25.579.632.498)	(30.167.284.260)
09	- Các khoản điều chỉnh khác		47.583.101.934	34.124.235.593
10	3. Tăng các chi phí phi tiền tệ		-	6.412.461
11	Lỗ đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		-	6.412.461
18	4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ		-	(21.360.371)
19	Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		-	(21.360.371)
30	5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		281.374.425.692	254.071.426.326
31	Giảm/(tăng) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ FVTPL		50.230.550	(31.907.610)
33	Giảm/(tăng) các khoản cho vay		1.465.503.413.630	(1.958.157.160.298)
36	Giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		30.167.284.260	15.263.556.121
37	Giảm các khoản phải thu dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		1.924.197.957	25.227.690.657
39	Giảm/(tăng) các khoản phải thu khác		1.138.905.838	(1.366.066.606)
40	Giảm/(tăng) các tài sản khác		1.401.918.957	(3.122.045.453)
41	(Giảm)/tăng chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		(2.348.631.033)	6.827.871.935
42	Tăng chi phí trả trước		(3.259.601.845)	(4.264.047.744)
43	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(59.652.608.975)	(41.290.179.738)
44	Lãi vay đã trả		(49.689.860.651)	(34.882.023.591)
45	Tăng/(giảm) phải trả người bán		472.953.734	(3.211.114.896)
47	(Giảm)/tăng thuế và các khoản phải nộp nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)		(3.856.279.766)	5.150.667.424
48	(Giảm)/tăng phải trả người lao động		(10.808.130.998)	16.148.794.654
50	Tăng phải trả, phải nộp khác		35.535.294	263.131.983
60	Tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		1.652.453.752.644	(1.723.371.406.836)

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank
(trước đây là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

B03-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
61	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(9.199.714.307)	(8.735.835.345)
62	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		456.531.818	-
65	Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn		6.751.329.168	5.962.963.754
70	Tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.991.853.321)	(2.772.871.591)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
71	Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	1.143.890.000.000
73	Tiền vay gốc	13	7.622.527.400.000	12.166.457.320.000
73.2	Tiền vay khác		7.622.527.400.000	12.166.457.320.000
74	Tiền chi trả nợ gốc vay	13	(9.710.237.400.000)	(10.934.483.410.000)
74.3	Tiền chi trả nợ gốc vay khác		(9.710.237.400.000)	(10.934.483.410.000)
76	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(48.300.000.000)	-
80	Tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động tài chính		(2.136.010.000.000)	2.375.863.910.000
90	(GIẢM)/TĂNG TIỀN THUẦN TRONG NĂM		(485.548.100.677)	649.719.631.573
101	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	4	798.183.574.318	148.463.942.745
101.1	Tiền		798.183.574.318	98.463.942.745
101.2	Các khoản tương đương tiền		-	50.000.000.000
103	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	4	312.635.473.641	798.183.574.318
103.1	Tiền		112.635.473.641	798.183.574.318
103.2	Các khoản tương đương tiền		200.000.000.000	-

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank
(trước đây là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

B03-CTCK

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		55.821.178.870.520	74.536.784.144.260
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(54.036.365.787.196)	(72.677.990.089.023)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		60.864.333.027.430	82.389.999.905.856
08	4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(63.043.143.300.449)	(84.123.388.914.431)
11	5. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(3.956.494.809)	(4.357.746.752)
20	(Giảm)/tăng tiền thuần trong năm		(397.953.684.504)	121.047.299.910
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	19.6	1.045.740.777.851	924.693.477.941
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm		1.045.740.777.851	924.693.477.941
32	1. Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		495.800.124.851	433.128.339.491
33	2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		346.085.329.607	215.916.499.562
34	3. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		203.855.323.393	275.648.638.888
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng	19.6	647.787.093.347	1.045.740.777.851
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm		647.787.093.347	1.045.740.777.851
42	1. Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		513.989.341.047	495.800.124.851
43	2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		77.893.630.333	346.085.329.607
44	3. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		55.904.121.967	203.855.323.393

Người lập:



Nguyễn Thị Minh Hồng
Kế toán viên

Người kiểm soát:



Trần Thị Ngọc Hương
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Kim Thiên Quang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 20 tháng 2 năm 2023

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank
(trước đây là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

B04-CTCK

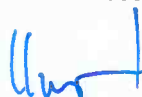
CHỈ TIÊU	Số đầu năm		Số tăng/(giảm)				Số cuối năm	
	Ngày 01/01/2021 VND	Ngày 01/01/2022 VND	Năm trước		Năm nay		Ngày 31/12/2021 VND	Ngày 31/12/2022 VND
			Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND		
I. BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU								
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.056.110.000.000	2.200.000.000.000	1.143.890.000.000	-	-	-	2.200.000.000.000	2.200.000.000.000
- Vốn pháp định	250.000.000.000	250.000.000.000	-	-	-	-	250.000.000.000	250.000.000.000
- Vốn bổ sung	806.110.000.000	1.950.000.000.000	1.143.890.000.000	-	-	-	1.950.000.000.000	1.950.000.000.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	20.197.458.918	30.282.760.506	10.085.301.588	-	10.363.297.588	-	30.282.760.506	40.646.058.094
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	20.197.458.919	30.282.760.507	10.085.301.588	-	10.363.297.589	-	30.282.760.507	40.646.058.096
4. Lợi nhuận chưa phân phối	336.210.648.803	517.693.955.492	201.653.909.865	(20.170.603.176)	207.265.951.767	(69.026.595.177)	517.693.955.492	655.933.312.082
- Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	336.209.264.221	517.696.075.217	201.656.029.590	(20.169.218.594)	207.239.774.507	(69.028.714.902)	517.696.075.217	655.907.134.822
- Lợi nhuận sau thuế chưa thực hiện	1.384.582	(2.119.725)	(2.119.725)	(1.384.582)	26.177.260	2.119.725	(2.119.725)	26.177.260
TỔNG CỘNG	1.432.715.566.640	2.778.259.476.505	1.365.714.513.041	(20.170.603.176)	227.992.546.944	(69.026.595.177)	2.778.259.476.505	2.937.225.428.272

Người lập:



Nguyễn Thị Minh Hồng
Kế toán viên

Người kiểm soát:



Trần Thị Ngọc Hương
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Kim Thiên Quang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 20 tháng 2 năm 2023

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

(trước đây là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

B09-CTCK

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank ("Công ty") được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 117/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 3 tháng 1 năm 2014 và giấy phép điều chỉnh số 30/GPĐC-UBCK ngày 23 tháng 3 năm 2022, thay thế Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 71/UBCK-GP ngày 14 tháng 12 năm 2007.

Công ty có trụ sở chính đặt tại VP-10-01, Tầng 10, Tòa nhà Pearl 5, số 5 Lê Quý Đôn, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh và năm (5) chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và các tỉnh thành khác.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 200 người (Ngày 31 tháng 12 năm 2021: 186 người).

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tổng vốn điều lệ của Công ty là 2.200.000.000.000 VND và tổng tài sản là 3.004.182.406.519 VND.

Mục tiêu đầu tư

Công ty hoạt động với mục tiêu chung là cung cấp các dịch vụ chuyên nghiệp tạo ra giá trị cho khách hàng Công ty nói riêng và của Tập đoàn nói chung, tiến đến vị trí dẫn đầu trong tất cả các hoạt động kinh doanh, xây dựng nguồn lực thông minh và hiệu quả, tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty.

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 28, Thông tư số 121/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về hoạt động của công ty chứng khoán và các quy định hiện hành về hạn chế đầu tư. Một số khoản mục hạn chế đầu tư theo các quy định hiện hành như sau:

- ▶ Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
- ▶ Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
- ▶ Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được phép mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.
- ▶ Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác thực hiện các nghiệp vụ sau: Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của khách hàng; Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác; Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết; Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở; Đầu tư hoặc góp vốn quá 10% trên tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank
(trước đây là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("đồng" hoặc "VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ và biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank
(trước đây là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, trừ các thay đổi sau:

Thông tư số 114/2021/TT-BTC bãi bỏ Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ ("Thông tư 114")

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 114 với các thay đổi chủ yếu như sau:

- Quy định việc xác định trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi sẽ được công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài được cấp giấy phép thành lập và hoạt động tại Việt Nam thực hiện theo quy định tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);
- Đối với số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định hiện hành;
- Đối với số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty theo quy định hiện hành.

Thông tư 114 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 2 năm 2022.

Thông tư số 24/2022/TT-BTC ("Thông tư số 24") ngày 7 tháng 4 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ("Thông tư số 48") ngày 8 tháng 8 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.

Thông tư số 24 có hiệu lực từ ngày 25 tháng 5 năm 2022 sửa đổi, bổ sung quy định về đối tượng lập dự phòng, theo đó, đối tượng lập dự phòng là các loại chứng khoán do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành theo quy định của pháp luật, thuộc sở hữu của doanh nghiệp, đang được niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước, được tự do mua bán trên thị trường và giá chứng khoán thực tế trên thị trường tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm thấp hơn giá trị của khoản đầu tư chứng khoán đang hạch toán trên sổ kế toán.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán có kỳ hạn không quá ba (3) tháng kể từ ngày gửi, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba (3) tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
 - Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau; hoặc
 - Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị hợp lý đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL". Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL".

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

3.4 Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

- a) Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- b) Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

(trước đây là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Các khoản cho vay (tiếp theo)

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "*Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay*".

3.5 Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính

Giá trị thị trường/hợp lý của chứng khoán được xác định theo các cơ sở sau:

- ▶ Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- ▶ Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- ▶ Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính gần nhất.
- ▶ Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá giá trị chứng khoán.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

3.6 Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- ▶ Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- ▶ Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
 - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản; hoặc
 - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 *Ngừng ghi nhận tài sản tài chính* (tiếp theo)

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chưa chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại. Trường hợp khoản nợ ghi nhận có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

3.7 *Phân loại lại tài sản tài chính*

Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Công ty chứng khoán khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS hiện đang theo dõi trên khoản mục "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý" sẽ được ghi nhận vào tài khoản doanh thu hoặc chi phí tương ứng tại ngày phân loại lại các tài sản tài chính AFS khi bán.

Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Công ty chứng khoán được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- ▶ Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.
- ▶ Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào Khoản mục "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý" thuộc Vốn chủ sở hữu.

3.8 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được doanh nghiệp khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "*Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay*" trong kỳ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank
(trước đây là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Các khoản phải thu (tiếp theo)

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 24/2022/TT-BTC như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

3.9 Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản cố định (là phần chênh lệch giữa giá trị thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

3.10 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao và hao mòn tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	5 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	5 năm
Phần mềm tin học	5 năm

3.11 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần từ một (1) đến ba mươi sáu (36) tháng vào báo cáo kết quả hoạt động:

- ▶ Chi phí cải tạo văn phòng;
- ▶ Chi phí thuê văn phòng; và
- ▶ Chi phí vật dụng văn phòng.

3.13 Các khoản vay

Các khoản vay được được công bố và trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

3.14 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.15 Lợi ích của nhân viên

3.15.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác (riêng giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 17%). Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

3.15.2 Trợ cấp thôi việc phải trả

Theo Điều 46 Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14 có hiệu lực ngày 1 tháng 1 năm 2021, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

3.15.3 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương (riêng giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2021 đến ngày 30 tháng 9 năm 2022 là 0%), tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank
(trước đây là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- ▶ Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- ▶ Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank
(trước đây là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định, nhượng bán tài sản cố định; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí năm trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác.

3.18 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa.

3.19 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho/hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank
(trước đây là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3.20 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo lãi lỗ của báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty chứng khoán và chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Lợi nhuận đã thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo Quyết định của Chủ sở hữu.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank
(trước đây là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.21 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.22 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền	112.635.473.641	798.183.574.318
- Tiền mặt tại quỹ	43.646.803	40.552.768
- Tiền gửi cho hoạt động của Công ty	112.066.938.697	797.610.501.647
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	524.888.141	532.519.903
Các khoản tương đương tiền	200.000.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng (*)	200.000.000.000	-
	312.635.473.641	798.183.574.318

(*) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các TCTD trong nước với kỳ hạn từ 31 ngày đến 33 ngày và lãi suất 6%/năm.

5. GIÁ TRỊ VÀ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Năm nay		Năm trước	
	Khối lượng (đơn vị)	Giá trị (VND)	Khối lượng (đơn vị)	Giá trị (VND)
a. Công ty				
- Cổ phiếu	137.849	5.874.274.580	483.790	23.713.355.285
b. Nhà đầu tư				
- Cổ phiếu	4.190.505.897	108.664.128.651.960	6.081.298.379	147.625.620.825.313
	4.190.643.746	108.670.002.926.540	6.081.782.169	147.649.334.180.598

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

(trước đây là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

6. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

6.1 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết	-	-	32.374.617	50.230.550

6.2 Các khoản cho vay

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Cho vay ký quỹ	2.582.395.614.234	-	2.582.395.614.234	3.972.825.771.840	(1.922.794.815)	3.970.902.977.025
Hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán	12.735.325.400	-	12.735.325.400	89.731.376.239	-	89.731.376.239
	2.595.130.939.634	-	2.595.130.939.634	4.062.557.148.079	(1.922.794.815)	4.060.634.353.264

Xác định giá trị hợp lý của công cụ tài chính

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

- ▶ Giá trị hợp lý của các khoản cho vay ký quỹ, ứng trước tiền bán chứng khoán tương đương với giá gốc trừ đi dự phòng đã trích lập của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank
(trước đây là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

6. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6.3 Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	1.922.794.815	3.342.102.022
Hoàn nhập trong năm	26.746.833.375	(1.419.307.207)
Xử lý rủi ro trong năm	(28.669.628.190)	-
Số cuối năm	-	1.922.794.815

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	25.579.632.498	30.167.284.260
- Dự thu lãi cho vay ký quỹ	24.824.090.320	30.011.508.703
- Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	733.150.684	-
- Dự thu lãi hoạt động ứng trước tiền bán	22.391.494	155.775.557
Trả trước cho người bán	329.576.500	1.488.454.618
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	1.357.514.095	3.281.712.052
- Phải thu phí lưu ký của nhà đầu tư	739.457.078	699.904.053
- Phải thu phí môi giới	618.057.017	2.581.807.999
Các khoản phải thu khác	25.711.087	121.039.202
- Các bên liên quan	15.280.000	-
- Các bên khác	10.431.087	121.039.202
	27.292.434.180	35.058.490.132
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu khác	-	(115.300.395)
	27.292.434.180	34.943.189.737

Thay đổi dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu khác trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	115.300.395	115.300.395
Xử lý rủi ro trong năm	(115.300.395)	-
Số cuối năm	-	115.300.395

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

(trước đây là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Ngày 1 tháng 1 năm 2022	50.014.790.014	3.052.011.905	629.385.962	53.696.187.881
Mua trong năm	5.461.085.674	3.921.390.700	519.788.348	9.902.264.722
Thanh lý, nhượng bán	(2.615.513.123)	(1.425.232.360)	(301.081.000)	(4.341.826.483)
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	52.860.362.565	5.548.170.245	848.093.310	59.256.626.120
Khấu hao lũy kế				
Ngày 1 tháng 1 năm 2022	40.383.467.054	3.052.011.905	604.563.545	44.040.042.504
Khấu hao trong năm	4.820.371.079	89.692.797	99.432.442	5.009.496.318
Thanh lý, nhượng bán	(2.608.598.163)	(1.425.232.360)	(297.726.000)	(4.331.556.523)
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	42.595.239.970	1.716.472.342	406.269.987	44.717.982.299
Giá trị còn lại				
Ngày 1 tháng 1 năm 2022	9.631.322.960	-	24.822.417	9.656.145.377
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	10.265.122.595	3.831.697.903	441.823.323	14.538.643.821

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 34.354.859.236 đồng (Ngày 31 tháng 12 năm 2021: 32.882.703.076 đồng).

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank
(trước đây là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Phần mềm tin học VND</i>
Nguyên giá	
Ngày 1 tháng 1 năm 2022	29.982.921.409
Mua mới trong năm	876.000.000
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	30.858.921.409
Hao mòn lũy kế	
Ngày 1 tháng 1 năm 2022	25.775.252.612
Hao mòn trong năm	1.362.433.273
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	27.137.685.885
Giá trị còn lại	
Ngày 1 tháng 1 năm 2022	4.207.668.797
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	3.721.235.524

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 24.269.851.709 đồng (Ngày 31 tháng 12 năm 2021: 23.290.802.235 đồng).

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Nội thất văn phòng	2.470.070.190	5.118.798.645
Chi phí phát triển phần mềm	1.533.298.000	452.850.000
	4.003.368.190	5.571.648.645

Biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Số đầu năm	5.571.648.645	144.000.000
Tăng trong năm	4.003.368.190	5.777.648.645
Chuyển sang chi phí chờ phân bổ	(5.571.648.645)	(350.000.000)
Số cuối năm	4.003.368.190	5.571.648.645

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank
(trước đây là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	5.751.854.368	7.458.666.682
- Chi phí thông tin	3.175.692.498	2.648.801.305
- Chi phí bảo trì hệ thống	1.181.738.327	1.536.196.898
- Trả trước tiền thuê văn phòng	713.545.500	2.818.582.168
- Chi phí vật dụng văn phòng	449.931.267	52.016.524
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	230.946.776	403.069.787
Chi phí trả trước dài hạn	6.081.554.905	1.115.140.746
- Chi phí cải tạo văn phòng	4.611.575.902	-
- Bảo trì hệ thống	1.469.979.003	1.115.140.746
	11.833.409.273	8.573.807.428

12. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN VÀ QUỸ BÙ TRỪ

Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán

Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Theo Quyết định số 27/QĐ-VSD ngày 13 tháng 3 năm 2015 về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ thanh toán của Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán môi giới của năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ đồng/năm. Giới hạn tối đa về mức đóng góp vào Quỹ hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ đồng đối với Thành viên lưu ký là Công ty chứng khoán có nghiệp vụ tự doanh và môi giới.

Quỹ bù trừ

Quỹ bù trừ được hình thành từ các khoản đóng góp của thành viên bù trừ bằng tiền hoặc chứng khoán được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán chấp thuận với mục đích bồi thường thiệt hại và hoàn tất các giao dịch chứng khoán phái sinh đứng tên thành viên bù trừ trong trường hợp thành viên bù trừ, nhà đầu tư của thành viên bù trừ mất khả năng thanh toán.

Theo Quyết định số 97/QĐ-VSD ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ bù trừ, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 10 tỷ đồng tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán vào Quỹ bù trừ cho giao dịch chứng khoán phái sinh. Các khoản đóng góp bổ sung định kỳ bao gồm khoản đóng góp bổ sung do đánh giá lại định kỳ và các khoản đóng góp bổ sung bất thường do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán ban hành theo từng kỳ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank
(trước đây là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

12. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN VÀ QUỸ BÙ TRỪ (tiếp theo)

Chi tiết tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán và Quỹ bù trừ trong năm như sau:

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Quỹ hỗ trợ thanh toán		
- Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
- Tiền nộp bổ sung	19.875.959.638	19.875.959.638
- Tiền lãi phân bổ	4.040.362	4.040.362
	20.000.000.000	20.000.000.000
Quỹ bù trừ		
- Tiền nộp ban đầu	10.000.000.000	10.000.000.000
- Tiền lãi phân bổ	59.997.750	39.898.829
	10.059.997.750	10.039.898.829
	30.059.997.750	30.039.898.829

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank
(trước đây là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

13. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm VND	Số vay trong năm VND	Số đã trả trong năm VND	Số cuối năm VND
Vay ngắn hạn	2.087.710.000.000	7.622.527.400.000	(9.710.237.400.000)	-

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	22.374.584.805	82.576.515.237	(91.178.723.687)	13.772.376.355
- Của Công ty	19.630.082.205	52.375.081.099	(59.652.608.975)	12.352.554.329
- Của nhà đầu tư tổ chức	2.744.502.600	30.201.434.138	(31.526.114.712)	1.419.822.026
Thuế giá trị gia tăng	93.076.567	1.126.796.640	(1.165.338.797)	54.534.410
Thuế thu nhập cá nhân	12.519.730.425	104.626.335.437	(106.566.141.433)	10.579.924.429
- Của nhân viên Công ty	3.011.138.215	30.785.259.025	(32.342.980.843)	1.453.416.397
- Của nhà đầu tư cá nhân	9.508.592.210	73.841.076.412	(74.223.160.590)	9.126.508.032
Thuế nhà thầu	684.374.727	5.052.744.451	(5.496.672.523)	240.446.655
Thuế môn bài	-	8.000.000	(8.000.000)	-
	35.671.766.524	193.390.391.765	(204.414.876.440)	24.647.281.849

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank
(trước đây là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Phải trả phí hoa hồng môi giới	1.443.070.987	2.766.378.878
- Cho các bên liên quan	668.364.305	1.580.627.748
- Các bên khác	774.706.682	1.185.751.130
Phải trả chi phí cải tạo văn phòng	1.192.029.620	-
Phải trả phí thông tin	562.877.572	562.877.572
Phải trả phí dịch vụ kiểm toán nội bộ	172.652.940	-
Phải trả phí bảo mật hệ thống	140.054.998	-
Phải trả khác	571.324.067	279.800.000
	4.082.010.184	3.609.056.450

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Chi phí hoạt động trích trước	3.359.491.689	3.272.157.256
Chi phí giao dịch phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán	2.984.237.391	6.050.206.283
Phí dịch vụ chuyên môn	1.565.249.750	975.742.598
Quỹ Trade & Give - Stay Strong Saigon	1.075.157.051	1.075.157.051
Chi phí lưu ký	425.081.394	384.585.120
Lãi vay phải trả	-	1.650.226.899
	9.409.217.275	13.408.075.207

17. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Khấu hao tài sản cố định	331.022.696	221.699.729

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời phát sinh do khác biệt giữa tỷ lệ khấu hao của tài sản cố định theo chính sách kế toán của Công ty và Thông tư số 45/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Quyết định số 1173/2013 ngày 21 tháng 5 năm 2013 của Bộ Tài chính quy định về việc quản lý, sử dụng và khấu hao tài sản cố định.

Chi tiết biến động khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm như sau:

	<i>Báo cáo tình hình tài chính</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động</i>	
	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Khấu hao tài sản cố định	331.022.696	221.699.729	(109.322.967)	(95.910.346)

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank
(trước đây là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND</i>	<i>Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND</i>	<i>Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ VND</i>	<i>Lợi nhuận chưa phân phối VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
Số đầu năm	2.200.000.000.000	30.282.760.506	30.282.760.507	517.693.955.492	2.778.259.476.505
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	207.265.951.767	207.265.951.767
- Trích quỹ trong năm	-	10.085.301.588	10.085.301.588	(20.170.603.176)	-
- Chia lợi nhuận về công ty mẹ (*)	-	-	-	(48.300.000.000)	(48.300.000.000)
Số cuối năm	2.200.000.000.000	40.368.062.094	40.368.062.095	656.489.304.083	2.937.225.428.272

(*) Trong năm, Công ty đã thực hiện chuyển lợi nhuận về Công ty mẹ theo Quyết định của Hội đồng thành viên số 2605-2/22QĐ-HĐTV ngày 26 tháng 5 năm 2022.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank
(trước đây là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

19. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

19.1 Ngoại tệ các loại của Công ty (nguyên tệ)

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
USD	274.080,44	19.991.213,97

19.2 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu Ký Chứng khoán (VSD) của CTCK

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	790.000	10.720.000

19.3 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính giao dịch, tự do chuyển nhượng	10.865.470.540.000	7.944.884.640.000
- Cổ phiếu	10.865.470.540.000	7.944.884.640.000
Tài sản tài chính giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	183.998.230.000	176.720.450.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	373.716.700.000	82.450.000.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	79.675.180.000	4.675.180.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	80.421.340.000	311.745.050.000
	11.583.281.990.000	8.520.475.320.000

19.4 Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	1.092.724.510.000	1.338.515.530.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	62.800.020.000	81.614.050.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, cầm cố	33.814.660.000	11.898.660.000
	1.189.339.190.000	1.432.028.240.000

19.5 Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ phiếu	77.040.390.000	239.686.950.000

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank
(trước đây là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

19. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

19.6 Tiền gửi của Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	513.989.341.047	495.800.124.851
- Cửa Nhà đầu tư trong nước	456.897.719.134	442.118.201.445
- Cửa Nhà đầu tư nước ngoài	57.091.621.913	53.681.923.406
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	77.893.630.333	346.085.329.607
- Cửa Nhà đầu tư trong nước	77.529.253.186	345.555.222.996
- Cửa Nhà đầu tư nước ngoài	364.377.147	530.106.611
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	55.904.121.967	203.855.323.393
- Cửa Nhà đầu tư trong nước	55.899.765.114	203.784.365.004
- Cửa Nhà đầu tư nước ngoài	4.356.853	70.958.389
	647.787.093.347	1.045.740.777.851

19.7 Phải trả Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	647.787.060.537	1.045.740.761.180
- Cửa Nhà đầu tư trong nước	590.341.404.624	991.457.772.774
- Cửa Nhà đầu tư nước ngoài	57.445.655.913	54.282.988.406
Phải trả cổ tức cho Nhà đầu tư	32.810	16.671
	647.787.093.347	1.045.740.777.851

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG

20.1 Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay và phải thu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	3.131.528.604	2.980.289.463
- Lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.659.917.803	2.604.426.630
- Cổ tức	1.798.646	1.167.600
- Các khoản khác	469.812.155	374.695.233
Từ các khoản cho vay và phải thu	358.602.800.414	272.811.368.244
- Tiền lãi cho vay ký quỹ	349.282.816.142	262.057.458.709
- Tiền lãi cho vay ứng trước tiền bán	9.319.984.272	10.753.909.535
	361.734.329.018	275.791.657.707

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank
(trước đây là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

20.2 Doanh thu ngoài thu nhập từ các tài sản tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	243.048.238.566	328.758.331.321
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	600.000.000	12.402.699.307
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	3.956.494.809	4.357.746.752
Doanh thu khác	10.252.824.538	8.157.863.117
- Từ phí nghiên cứu và các hoạt động khác	10.252.824.538	8.157.863.117
	257.857.557.913	353.676.640.497

21. CHI PHÍ DỰ PHÒNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH, XỬ LÝ TỖN THẤT CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI, LỖ SUY GIẢM TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ CHI PHÍ ĐI VAY CỦA CÁC KHOẢN CHO VAY

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay cho hoạt động ký quỹ	31.391.999.402	23.072.826.106
Phí hợp đồng hoán đổi tiền tệ	16.647.634.350	11.051.409.487
	48.039.633.752	34.124.235.593

22. CHI PHÍ NGHIỆP VỤ MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương và các khoản phúc lợi	98.599.843.189	123.438.493.388
Chi phí môi giới giao dịch chứng khoán	44.828.627.934	58.155.555.495
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.317.201.402	21.337.343.202
Chi phí hoa hồng	14.253.226.506	24.580.838.653
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	2.667.201.246	2.342.887.855
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	1.003.252.980	1.094.136.274
Chi phí văn phòng phẩm	84.646.041	61.397.892
Chi phí công cụ, dụng cụ	874.653.687	44.779.165
	182.628.652.985	231.055.431.924

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu lãi tiền gửi không cố định	4.089.612.719	3.357.369.524
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	395.524.137	268.620.414
	4.485.136.856	3.625.989.938

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank
(trước đây là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương và các khoản phúc lợi	68.227.320.774	60.470.257.338
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.517.878.825	29.607.050.458
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	5.671.088.407	5.372.130.237
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	5.346.653.131	4.222.649.716
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.374.375.549	183.073.906
Chi phí văn phòng phẩm	124.025.341	77.830.069
Chi phí khác	16.407.700	9.174.000
	117.277.749.727	99.942.165.724

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất là 20% lợi nhuận tính thuế trong năm.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

25.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế suất thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN trong năm và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	259.750.355.833	252.172.884.394
Thuế TNDN theo thuế suất hiện hành (20%)	51.950.071.167	50.434.576.879
Các khoản điều chỉnh tăng:		
- Chi phí không được khấu trừ	283.471.706	128.751.077
- Điều chỉnh thuế TNDN trong những năm trước	268.288.901	-
Các khoản điều chỉnh giảm:		
- Thu nhập không chịu thuế và chênh lệch tạm thời chịu thuế những năm trước	(126.750.675)	(96.475.318)
- Điều chỉnh thuế TNDN trong những năm trước	-	(43.788.455)
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính trong năm	52.375.081.099	50.423.064.183

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

(trước đây là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

26.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Maybank IBG Holdings Limited	Công ty mẹ	Vay Trả gốc vay Lãi vay đã trả	7.622.527.400.000 9.710.237.400.000 30.558.799.719	12.166.457.320.000 10.934.483.410.000 22.161.104.822
Maybank Securities Pte. Ltd.	Công ty con của Maybank IBG Holdings Limited	Phí hoa hồng Thu phí môi giới Phí thông tin	10.078.718.101 102.187.132 5.125.154.877	13.790.896.323 1.054.246.752 5.509.096.984
Maybank Securities (Thailand) Public Company Limited	Công ty con của Maybank IBG Holdings Limited	Thu phí môi giới	703.328.823	998.312.416
Malayan Banking Berhad - Chi nhánh Hồ Chí Minh	Chi nhánh của Công ty chủ quản cao nhất	Phí dịch vụ hoán đổi tiền tệ Phí ngân hàng Thu lãi tiền gửi Tiền gửi có kỳ hạn Trích trước lãi tiền gửi có kỳ hạn	- 64.663.203 6.860.733 100.000.000.000 394.520.548	6.857.357.701 122.656.779 4.780.640 - -

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

(trước đây là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

26.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Malayan Banking Berhad - Chi nhánh Hà Nội	Chi nhánh của Công ty chủ quản cao nhất	Phí dịch vụ hoán đổi tiền tệ	9.491.717.548	477.322.452
Maybank Research Pte. Ltd.	Công ty con của Maybank IBG Holdings Limited	Thu phí nghiên cứu Trả phí nghiên cứu	10.252.824.538 2.063.415.490	8.157.863.117 2.601.118.442
Maybank Securities USA Inc.	Công ty con của Maybank IBG Holdings Limited	Phí hoa hồng	4.173.379.649	10.789.942.330
MIB Securities (Hong Kong) Ltd.	Công ty con của Maybank IBG Holdings Limited	Phí hoa hồng	1.128.756	-
MIB Finance (Hong Kong) Limited	Công ty con của Maybank IBG Holdings Limited	Doanh thu phí thu xếp vốn	-	1.005.299.307
Maybank Shared Services Sdn Bhd	Chi nhánh của Công ty chủ quản cao nhất	Chi phí bảo mật hệ thống	2.676.603.603	-
Malayan Banking Berhad	Công ty chủ quản cao nhất	Phí chuyển quyền sở hữu Chi phí dịch vụ kiểm toán nội bộ	1.250.000 172.652.940	- -
Ban Tổng Giám đốc		Thu nhập	22.865.743.764	16.458.232.546

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

(trước đây là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

26.1 *Nghệp vụ với các bên liên quan* (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản phải thu/(phải trả) với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Maybank IBG Holdings Limited	Công ty mẹ	Vay	-	(2.087.710.000.000)
		Lãi vay phải trả	-	(865.635.113)
Maybank Securities Pte. Ltd.	Công ty con của Maybank IBG Holdings Limited	Phí hoa hồng phải trả	(662.693.921)	(885.362.708)
		Phải trả tiền bán cuối tháng	-	(928.802.175)
Malayan Banking Berhad - Chi nhánh Hà Nội	Chi nhánh của công ty chủ quản cao nhất	Phải trả dịch vụ hoán đổi tiền tệ	-	(477.322.452)
Malayan Banking Berhad - Chi nhánh Hồ Chí Minh	Chi nhánh của công ty chủ quản cao nhất	Tiền gửi có kỳ hạn	100.000.000.000	-
Maybank Investment Bank Berhad	Công ty con của Công ty chủ quản cao nhất	Phải trả phí thông tin	(562.877.572)	(562.877.572)
		Phải thu khác	15.280.000	-
Maybank Securities USA Inc.	Công ty con của Maybank IBG Holdings Limited	Phí hoa hồng phải trả	(4.651.682)	(695.265.040)
MIB Securities (Hong Kong) Ltd.	Công ty con của Maybank IBG Holdings Limited	Phí hoa hồng phải trả	(1.018.702)	-
Maybank Shared Services Sdn Bhd	Chi nhánh của Công ty chủ quản cao nhất	Phải trả phí bảo mật hệ thống	(140.054.998)	-
Malayan Banking Berhad	Công ty chủ quản cao nhất	Phải trả phí dịch vụ kiểm toán nội bộ	(172.652.940)	-

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank
(trước đây là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

26.2 Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại thời điểm cuối năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đến 1 năm	22.507.173.618	17.559.372.620
Từ 1 - 5 năm	60.798.587.410	56.505.058.282
	83.305.761.028	74.064.430.902

26.3 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường gồm các loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, tiền gửi, các khoản vay của Công ty.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi và các khoản cho vay và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì các công cụ tài chính của Công ty có kỳ hạn ngắn và chịu lãi suất cố định.

26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

26.3 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán hạch toán của Công ty).

Công ty theo dõi trạng thái của các loại ngoại tệ hàng ngày và các chiến lược phòng ngừa rủi ro được áp dụng để đảm bảo trạng thái các loại ngoại tệ được duy trì trong hạn mức đã thiết lập. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư.

Rủi ro do sự thay đổi về giá cổ phiếu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản cho vay ký quỹ, ứng trước tiền bán cho khách hàng và các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong Báo cáo tình hình tài chính tại mỗi năm lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay ký quỹ và ứng trước cho khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến quy trình cho vay ký quỹ và ứng trước cho khách hàng. Công ty thực hiện đánh giá và thẩm định khách hàng để xác định hạn mức tín dụng cũng như các tỷ lệ ký quỹ trước khi ký kết các hợp đồng margin và ứng trước cho khách hàng, cũng như định kỳ kiểm tra lại tình hình tài chính của khách hàng vay để có các điều chỉnh phù hợp về tỷ lệ ký quỹ và hạn mức tín dụng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Các hoạt động cảnh báo nguy cơ giảm tiền ký quỹ (margin call) của khách hàng được thực hiện đúng hạn và tuân thủ theo đúng bản chất của sản phẩm giao dịch ký quỹ.

Theo quan điểm đã nói ở trên và thực tế rằng các khoản phải thu khách hàng của Công ty dành cho một số lượng lớn khách hàng đa dạng, do đó không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt tại ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank
(trước đây là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

26.3 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Chi tiết về phân loại chất lượng tín dụng toàn bộ tài sản tài chính có liên quan đến rủi ro tín dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

	Không quá hạn và không bị suy giảm VND	Quá hạn nhưng không bị suy giảm				Bị suy giảm giá trị VND	Tổng cộng VND
		Dưới 3 tháng VND	3 - 6 tháng VND	6 - 12 tháng VND	Trên 1 năm VND		
Ngày 31 tháng 12 năm 2022							
Tiền gửi ngân hàng	312.635.473.641	-	-	-	-	-	312.635.473.641
Các khoản cho vay	2.595.130.939.634	-	-	-	-	-	2.595.130.939.634
Tài sản tài chính khác	61.890.520.018	-	-	-	-	-	61.890.520.018
	2.969.656.933.293	-	-	-	-	-	2.969.656.933.293

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

(trước đây là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

26.3 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	<i>Quá hạn VND</i>	<i>Không kỳ hạn VND</i>	<i>Đến 1 năm VND</i>	<i>Từ 1 - 5 năm VND</i>	<i>Trên 5 năm VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
TÀI SẢN TÀI CHÍNH						
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	112.635.473.641	200.000.000.000	-	-	312.635.473.641
Các khoản cho vay	-	-	2.595.130.939.634	-	-	2.595.130.939.634
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	-	-	25.579.632.498	-	-	25.579.632.498
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	-	-	1.357.514.095	-	-	1.357.514.095
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	-	4.893.375.675	-	-	-	4.893.375.675
Các khoản phải thu khác	-	-	-	-	-	-
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán và Quỹ bù trừ	-	30.059.997.750	-	-	-	30.059.997.750
	-	147.588.847.066	2.822.068.086.227	-	-	2.969.656.933.293
NỢ TÀI CHÍNH						
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	-	-	3.710.193	-	-	3.710.193
Phải trả người bán ngắn hạn	-	-	4.082.010.184	-	-	4.082.010.184
Chi phí phải trả ngắn hạn	-	-	9.409.217.275	-	-	9.409.217.275
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	-	528.474.136	-	-	528.474.136
	-	-	14.023.411.788	-	-	14.023.411.788
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	-	147.588.847.066	2.808.044.674.439	-	-	2.955.633.521.505

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank
(Trước đây là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

Quản trị nguồn vốn

Tỷ lệ vốn khả dụng là một thước đo đánh giá mức độ an toàn tài chính của Công ty, phản ánh khả năng của Công ty trong việc thanh toán nhanh các nghĩa vụ tài chính và khả năng bù đắp các loại rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động của Công ty.

Tỷ lệ này được tính toán và trình bày trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty được lập định kỳ hàng tháng và tuân thủ theo quy định trong Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính. Theo đó, Công ty quản trị và kiểm soát tỷ lệ vốn khả dụng không thấp hơn 180%.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty là 1.492%.

27. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Người lập:



Nguyễn Thị Minh Hồng
Kế toán viên

Người kiểm soát:



Trần Thị Ngọc Hương
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Kim Thiên Quang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 20 tháng 2 năm 2023